

Người lớn có cân nặng ≥ 50 kg, chức năng thận bình thường, tiếp sau liệu pháp tiêm ban đầu: Khởi đầu 20 mg, nếu cần, dùng các liều tiếp theo là 10 mg/lần, cách nhau 4 - 6 giờ/lần mỗi ngày. Tối đa: 40 mg/ngày.

Người lớn có cân nặng < 50 kg và/hoặc có chức năng thận bị suy giảm, người cao tuổi (≥ 65 tuổi), tiếp sau liệu pháp tiêm ban đầu: Khởi đầu 10 mg, nếu cần, dùng các liều tiếp theo là 10 mg/lần, cách nhau 4 - 6 giờ/lần mỗi ngày. Tối đa: 40 mg/ngày.

Nhỏ mắt: 1 giọt/lần, ngày 4 lần. Đối với trường hợp thay thủy tinh thể, bắt đầu nhỏ thuốc sau phẫu thuật 24 giờ và kéo dài liên tục 2 tuần.

Liều lượng thuốc cho trẻ em:

Xem mục Chống chỉ định.

Tương tác thuốc

Hầu hết các tương tác dưới đây chưa được thông báo đối với ketorolac, nhưng đã có thông báo đối với các thuốc NSAID khác, do vậy cũng cần cân nhắc và thận trọng khi dùng ketorolac, đặc biệt khi dùng thuốc dài ngày.

Các thuốc chống viêm không steroid có thể làm tăng nguy cơ suy thận thứ phát ở người bệnh đang dùng thuốc lợi tiểu, do giảm dòng máu qua thận.

Dùng đồng thời ketorolac và probenecid, làm giảm độ thanh thải và làm tăng nồng độ trong huyết tương, tăng diện tích dưới đường cong (AUC) toàn phần và tăng nửa đời của ketorolac.

Dùng đồng thời ketorolac với các thuốc chống đông máu, chống kết tập tiểu cầu các thuốc chống viêm không steroid, pentoxifylin sẽ kéo dài thời gian chảy máu.

Ketorolac làm giảm nồng độ hoặc tác dụng khi dùng cùng với các thuốc ức chế enzym chuyển angiotensin, chẹn thụ thể angiotensin II, thuốc chống co giật, thuốc lợi niệu, chẹn thụ thể beta, lanatoprost, hydralazin, salicylat. Ngược lại ketorolac làm tăng nồng độ hoặc độc tính của một số thuốc: kháng sinh nhóm aminosid, lithi, cyclosporin, các thuốc ức chế thần kinh cơ loại không khử cực, thuốc tiêu fibrin, vancomycin.

Một số thuốc có thể làm giảm nồng độ hoặc tác dụng của ketorolac: chống trầm cảm, corticoid dùng đường toàn thân, các thuốc ức chế sự tái nhập serotonin và noradrenalin, các đồng đẳng của prostacyclin.

Tương kỵ

Không được trộn thuốc tiêm ketorolac trong cùng bơm tiêm với morphin sulfat, pethidin hydroclorid, promethazin hydroclorid hoặc hydroxyzin hydroclorid hoặc dung dịch có pH tương đối thấp vì có thể gây kết tủa ketorolac.

Có thể pha thuốc với các dung dịch natri clorid 0,9%, dextrose 5%, Ringer, Ringer lactat.

Quá liều và xử trí

Dùng quá liều có thể gây đau bụng và loét đường tiêu hóa, thường khỏi sau khi ngừng thuốc. Cần theo dõi người bệnh cẩn thận và điều trị theo các triệu chứng. Nếu suy thận, có thể cần thẩm tách máu. Tuy nhiên, thẩm tách không chắc đã loại được ketorolac ra khỏi cơ thể sau khi dùng quá liều; đã có thông báo ở người bệnh đang thẩm tách, có giảm độ thanh thải và kéo dài nửa đời của ketorolac.

Cập nhật lần cuối: 2017.

KETOTIFEN

Tên chung quốc tế: Ketotifen.

Mã ATC: R06AX17, S01GX08.

Loại thuốc: Thuốc kháng histamin H_1 .

Dạng thuốc và hàm lượng

Dung dịch thuốc nhỏ mắt: 0,025%; 0,035%.

Dung dịch uống: 1 mg/5 ml.

Viên nang: 1 mg.

Viên nén bao phim giải phóng kéo dài: 2 mg.

Dược lực học

Ketotifen fumarat là một chất đối kháng thụ thể histamin H_1 tương đối chọn lọc và ổn định tế bào mast. Ketotifen ngăn chặn sự giải phóng các chất trung gian từ các tế bào do phản ứng quá mẫn, giảm các chất hóa học và kích hoạt bạch cầu ái toan.

Dược động học

Hấp thu: Hấp thu tối thiểu và khởi phát tác dụng trong vòng vài phút sau khi nhỏ thuốc vào mắt. Thuốc hấp thu tốt và nhanh qua đường tiêu hóa. Sinh khả dụng khi dùng đường uống khoảng 50%. Thời gian đạt nồng độ trong huyết tương của dạng viên nang: 2 đến 4 giờ. So với dạng viên nang giải phóng tức thời, viên nén bao phim giải phóng kéo dài ketotifen được hấp thu chậm. Nồng độ đỉnh trong huyết tương của dạng viên nén bao phim giải phóng kéo dài đạt được 4 đến 8 giờ sau khi dùng.

Phân bố: Liên kết 75% với protein huyết tương. Thể tích phân bố 2,7 lít/kg.

Chuyển hóa: Chuyển hóa qua gan thông qua N-glucuronic hóa thành chất chuyển hóa không hoạt tính ketotifen-N-glucuronid; qua N-demethyl hóa thành chất chuyển hóa có hoạt tính nor-ketotifen; và khử keto thành dẫn xuất hydroxyl.

Thải trừ: Thanh thải tăng ở trẻ > 3 tuổi; giảm ở trẻ ≤ 3 tuổi. Nửa đời thải trừ: Pha phân bố: 3 đến 5 giờ; pha thải trừ: 21 giờ. Thải trừ qua nước tiểu ($> 60\%$ dưới dạng chất chuyển hóa, 1% dưới dạng thuốc không đổi).

Chỉ định

Điều trị triệu chứng viêm kết mạc dị ứng theo mùa.

Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng ở người lớn, thanh thiếu niên và trẻ em trên 4 tuổi.

Chống chỉ định

Mẫn cảm với thuốc.

Tiền sử động kinh hoặc co giật.

Đang sử dụng các thuốc viên điều trị đái tháo đường.

Đang cho con bú.

Thận trọng

Dạng dung dịch nhỏ mắt chỉ dùng tại chỗ trong nhãn khoa. Không nên dùng nếu dung dịch thay đổi màu sắc hoặc trở nên vẩn đục.

Nếu có bội nhiễm phế quản hoặc tai mũi họng cần phải sử dụng thêm các thuốc chống nhiễm khuẩn khác. Không sử dụng thuốc cùng với rượu hoặc thuốc có chứa cồn.

Đã có báo cáo các trường hợp co giật khi sử dụng ketotifen, đặc biệt là ở trẻ em nên chống chỉ định sử dụng ketotifen ở người có tiền sử động kinh hoặc co giật. Sử dụng đồng thời ketotifen với thuốc trị đái tháo đường đường uống (biguanid) có nguy cơ giảm tiểu cầu. Nên chống chỉ định sử dụng đồng thời ketotifen và các thuốc này. Trong trường hợp rối loạn ý thức có thể do tác dụng an thần của ketotifen, nên giảm liều ketotifen. Không khuyến cáo sử dụng ketotifen đường uống cho trẻ < 4 tuổi.

Thời kỳ mang thai

Không có dữ liệu đầy đủ về việc sử dụng thuốc nhỏ mắt ketotifen ở phụ nữ mang thai. Các nghiên cứu trên động vật sử dụng liều uống độc hại cho mẹ cho thấy tỷ lệ tử vong trước và sau sinh tăng lên, nhưng không gây quái thai. Nồng độ toàn thân sau khi dùng qua đường nhỏ mắt thấp hơn nhiều so với sau khi sử dụng đường uống.

Cần thận trọng khi kê đơn cho phụ nữ mang thai.

Thời kỳ cho con bú

Ketotifen phân bố vào sữa ở chuột sau khi uống. Không biết liệu dùng qua đường nhỏ mắt tại chỗ có thể hấp thu vào hệ thống đủ để đạt được nồng độ phát hiện được trong sữa mẹ không; do đó, cần thận trọng khi dùng ketotifen nhỏ mắt cho phụ nữ cho con bú. Chống chỉ định sử dụng ketotifen dạng uống ở phụ nữ cho con bú.

Tác dụng không mong muốn (ADR)

Thường gặp

Rối loạn mắt: kích ứng mắt, đau mắt, viêm giác mạc dạng chấm, xước giác mạc.

Toàn thân: cảm giác nóng bừng thoáng qua, cảm giác bị châm trích thoáng qua.

Rối loạn hô hấp: viêm mũi.

Rối loạn tâm thần: kích động, khó chịu, mất ngủ, hồi hộp.

Ít gặp

Rối loạn hệ miễn dịch: nhạy cảm.

Rối loạn hệ thống thần kinh: đau đầu, chóng mặt.

Rối loạn mắt: nhìn mờ (trong khi nhỏ thuốc), khô mắt, rối loạn mi mắt, viêm kết mạc, sợ ánh sáng, xuất huyết kết mạc.

Rối loạn hệ thống tiêu hóa: khô miệng.

Rối loạn da và mô dưới da: mẩn ngứa, chàm, ban đỏ.

Toàn thân: buồn ngủ.

Nhiễm trùng: viêm bàng quang.

Rất ít gặp

Rối loạn gan mật: viêm gan, tăng enzym gan.

Chưa xác định được tần suất

Phản ứng dị ứng tại chỗ: Chủ yếu là viêm da tiếp xúc, xung huyết mắt, viêm mi mắt và phù nề. Phản ứng dị ứng toàn thân, bao gồm: Sưng/phù mắt (trong một số trường hợp liên quan đến viêm da tiếp xúc) và làm trầm trọng thêm các tình trạng dị ứng có sẵn như hen suyễn và bệnh chàm, ban đỏ đa dạng, hội chứng Stevens-Johnson, phản ứng da nghiêm trọng, mày đay, mẩn ngứa.

Rối loạn dinh dưỡng: tăng cân.

Rối loạn hệ thần kinh: co giật, buồn ngủ.

Rối loạn tiêu hóa: rối loạn vị giác, đau dạ dày, táo bón, nôn, buồn nôn, tiêu chảy.

Liều lượng và cách dùng

Cách dùng

Liều dùng của ketotifen được tính dựa theo dạng bazơ. 1,38 mg ketotifen fumarat tương đương với 1 mg ketotifen dạng bazơ.

Dung dịch nhỏ mắt: Cần cẩn thận để tránh làm nhiễm bẩn hộp đựng dung dịch. Không nên sử dụng dung dịch nhỏ mắt ketotifen để kiểm soát triệu chứng kích ứng liên quan đến kính áp tròng. Cần tháo kính áp tròng trước mỗi lần nhỏ thuốc nếu dung dịch thuốc nhỏ mắt có thành phần benzalkonium clorid và có thể đeo lại sau khi nhỏ thuốc 10 phút.

Dạng viên uống: Uống thuốc cùng bữa ăn. Với dạng viên nén bao phim giải phóng kéo dài phải nuốt nguyên viên, không được nhai, bẻ, nghiền viên thuốc.

Liều lượng

Điều trị triệu chứng viêm kết mạc dị ứng theo mùa: Người lớn và trẻ em từ 3 tuổi trở lên: 1 giọt dung dịch nhỏ mắt ketotifen 0,025% ở mắt bị viêm hai lần mỗi ngày với khoảng cách mỗi 8 - 12 giờ. Không nên nhỏ quá 2 lần/ngày.

Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng: Người lớn, thanh thiếu niên và trẻ em trên 6 tuổi: 1 mg × 2 lần/ngày, sáng và tối; nếu dùng viên 2 mg, liều là 1 viên/ngày uống vào buổi tối. Trẻ em 4 - 6 tuổi: 1 thìa dung dịch uống (5 ml = 1 mg ketotifen) 2 lần/ngày, sáng và tối.

Do nguy cơ buồn ngủ khi bắt đầu điều trị và cần thời gian thích nghi là vài ngày, thời gian đầu nên dùng 1 nửa liều vào buổi tối. Bệnh nhân cao tuổi (từ 65 tuổi trở lên): Không cần điều chỉnh liều ở người cao tuổi.

Suy thận: Không có nghiên cứu được thực hiện ở bệnh nhân suy thận. Do thải trừ chủ yếu qua đường tiết niệu (60 đến 70%), tốt nhất là tránh sử dụng ketotifen dạng uống trong trường hợp suy thận.

Suy gan: Không có nghiên cứu được thực hiện ở bệnh nhân suy gan. Theo cơ chế chuyển hóa ở gan của ketotifen, tốt nhất là tránh sử dụng dạng uống ketotifen trong suy gan nặng.

Tương tác thuốc

Nếu dung dịch nhỏ mắt ketotifen được sử dụng đồng thời với các loại thuốc mắt khác thì phải nhỏ hai thuốc cách nhau ít nhất 5 phút.

Phối hợp chống chỉ định

Thuốc trị đái tháo đường uống: Do nguy cơ giảm tiểu cầu (biguanid).

Không nên phối hợp

Rượu: Rượu tăng cường tác dụng an thần. Thay đổi ý thức có thể gây nguy hiểm khi lái xe và sử dụng máy móc. Tránh uống cùng đồ uống có cồn và thuốc có chứa rượu.

Cần theo dõi khi phối hợp

Các thuốc giống atropin: Các loại thuốc giống atropin bao gồm thuốc chống trầm cảm imipramin, hầu hết các thuốc chống dị ứng atropin H₁, thuốc điều trị parkinson kháng cholinergic, thuốc chống co thắt atropin, disopyramid, thuốc an thần kinh phenothiazin và clozapin khi dùng cùng ketotifen có thể tăng thêm ADR và dễ dẫn đến bí tiểu, tăng nhãn áp cấp tính, táo bón, khô miệng.

Thuốc an thần: Các dẫn xuất morphin (thuốc giảm đau, thuốc chống ho và thuốc điều trị thay thế), thuốc an thần kinh, các thuốc barbiturat, các thuốc benzodiazepin, các thuốc chống lo âu khác ngoài benzodiazepin (như meprobamat), thuốc an thần, thuốc chống trầm cảm có tác dụng gây buồn ngủ (amitriptylin, doxepin, mianserin, mirtazapin, trimipramin), kháng H₁ có tác dụng gây buồn ngủ, thuốc điều trị tăng huyết áp trung ương, baclofen và thalidomid khi phối hợp với ketotifen có thể làm tăng tác dụng ức chế của hệ TKTW và giảm sự tỉnh táo.

Quá liều và xử trí

Quá liều ketotifen từ 10 đến 120 mg. Triệu chứng: buồn ngủ, nhầm lẫn, khó thở, nhịp tim chậm hoặc nhịp tim nhanh, mất phương hướng và co giật. Không có dấu hiệu hoặc triệu chứng nghiêm trọng nào được báo cáo với liều 20 mg và không có trường hợp nào từ vong, các ADR nghiêm trọng nhất đã được báo cáo với mức liều này bao gồm bất tỉnh, co giật, nhịp tim chậm, nhịp tim nhanh và một phản ứng nhạy cảm quá mức.

Xử trí: Điều trị triệu chứng và cần theo dõi các chức năng tuần hoàn và hô hấp. Trong trường hợp kích động hoặc co giật, có thể sử dụng barbiturat tác dụng ngắn hoặc các thuốc nhóm benzodiazepin. Ketotifen không bị loại bỏ qua lọc máu.

Cập nhật lần cuối: 2019.

KHÁNG ĐỘC TÓ BẠCH HẦU

Tên chung quốc tế: Antitoxinum diphtericum.

Mã ATC: J06AA01.

Loại thuốc: Kháng độc tố.

Dạng thuốc và hàm lượng

Thuốc tiêm: Lọ hoặc ống tiêm 1 ml; 2 ml; 10 ml, công hiệu không thấp hơn 1 000 đvqt/ml nếu điều chế từ huyết thanh ngựa và 500 đvqt/ml nếu điều chế từ huyết thanh các động vật khác.